

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2019
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị H
với anh P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 432/12, ấp Tây An, xã T, huyện C.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 42/12, ấp Bình Thới, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình H giải, xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị kết hôn vào ngày 14/7/2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm do anh P ăn nhậu và đánh đập chị rất nhiều lần. Cụ thể là vào các ngày 20/7/2017, ngày 10/3/2018 và 21/7/2018 anh P nhậu xong đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần trở về nhà để cố gắng hàn gắn tình cảm

vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Khi anh chị kết hôn thì cha mẹ chồng có cho chị 08 chỉ vàng 24kr. Chị đã cho mẹ chồng mượn lại 03 chỉ, còn 05 chỉ mua bò nuôi. Khi chị về nhà mẹ ruột chữa bệnh thì chồng chị đã bán 02 con bò. Chị yêu cầu chia 08 chỉ vàng 24kr theo quy định.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/12/2018 chị Mai Thị H có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Đối với bị đơn anh P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do và không trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Mai Thị H xác định yêu cầu khởi kiện là vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh P, rút lại yêu cầu chia tài sản chung, về con chung không có, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Tờ tường trình; đơn xin miễn đóng án phí do thuộc diện cận nghèo; Thông báo số; 03/TB-TA ngày 19/9/2018 về việc miễn nộp tạm ứng án phí; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Ngày 24/12/2018 chị H có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Mai Thị H đối với anh Trần Văn P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh P chung sống, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay tình cảm không còn chị H xin được ly hôn với anh P.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị H và anh P, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh P chung sống với nhau có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã lâu. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị.

[2.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem.

[2.3] Về tài sản chung: Theo lời trình bày của chị H là vợ chồng có tài sản chung là 08 chỉ vàng 24kr – vàng cưới, nhưng chị đã rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Lẽ ra chị Mai Thị H là người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng do chị H có đơn yêu cầu miễn án phí thuộc diện cận nghèo được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung 08 chỉ vàng 24kr của chị Mai Thị H đối với anh Trần Văn P.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Mai Thị H đối với anh Trần Văn P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị H với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Mai Thị H được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Kim Phụng

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Thị Kim Phụng

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình An, Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Phạm Văn Trung

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiến

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Ông Đoàn Văn Hiền.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Phương, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bình Lộc, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: Biểu quyết 3/3.

“Tranh chấp ly hôn”

- Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 3/3.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Biểu quyết 3/3.

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Xuân và anh Nguyễn Thanh Phương.

2. Về con chung: Biểu quyết 3/3.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007 giao 02 con chung cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Xuân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có: Biểu quyết 3/3.

Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Biểu quyết 3/3.

Chị Phan Thị Xuân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002185 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Biểu quyết 3/3.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28/9/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiến

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

TÒA

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- UBND xã Đào Hữu Cảnh;

- Các đương sự (để thi hành);

- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

TÒA

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- UBND xã Bình Mỹ;

- Các đương sự (để thi hành);

- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi